

NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỰ HỌC TIẾNG ANH QUA VIỆC SỬ DỤNG TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG THỜI ĐẠI CÔNG NGHIỆP 4.0

Nguyễn Vũ Thanh Tuyền*

Trường Đại học Ngoại Thương - Cơ sở II - TP. HCM

Nhận bài: 18/09/2017; Hoàn thành phân biện: 23/10/2018; Duyệt đăng: 25/03/2018

Tóm tắt: Trong quá trình học tiếng Anh, vì sinh viên chưa khai thác triệt để các phương tiện, thiết bị truyền thông và công nghệ thông tin để tự học, nên gặp nhiều khó khăn trước yêu cầu thực tiễn ở nhiều phương diện. Do đó, việc giúp sinh viên tiếp cận và sử dụng tốt các công cụ trên để nâng cao chất lượng của việc tự học tiếng Anh là một đòi hỏi bức thiết. Bài viết này sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp với khảo sát để tìm hiểu và tổng hợp dữ liệu thu thập được. Từ đó, tác giả thống kê kết quả và đưa ra những đánh giá và đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả trong khả năng tự học tiếng Anh cho người học thông qua việc sử dụng các công cụ truyền thông và công nghệ thông tin (CCTT và CNTT) hỗ trợ trong thời đại mới - thời đại công nghiệp 4.0.

Từ khóa: công nghệ thông tin, tiếng Anh, truyền thông, tự học

1. Mở đầu

Trong quá trình giảng dạy tại một số trường đại học, tác giả nhận thấy rất nhiều sinh viên gặp khó khăn và chưa tìm ra được con đường đúng đắn để phát huy năng lực ngoại ngữ cho chính bản thân mình. Chưa kể đến việc khi các em tốt nghiệp, cần một chứng chỉ ngoại ngữ để làm điều kiện tiên đề cho việc nộp hồ sơ xin việc cũng là một khó khăn lớn đối với nhiều sinh viên. Điều này được khẳng định theo nhận định của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc trong hội nghị Tổng kết năm học 2015-2016 của Bộ GD và ĐT được tổ chức ngày 5/8/2016 tại Hà Nội và của PGS.TS. Bùi Anh Tuấn - Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội trong cuộc trao đổi về chủ đề Nhân lực hội nhập.

Thông thường, giải pháp cơ bản nhất để khắc phục khó khăn này ngay khi vẫn đang là sinh viên tại một trường đại học hay khi ở giai đoạn tìm việc làm mà các sinh viên hay người tìm việc vẫn thường áp dụng là tìm một chỗ dựa một cách thụ động - tức là tìm một giáo viên hay người có chuyên môn về ngoại ngữ để giảng dạy cho họ, và hoàn toàn chưa sử dụng hết khả năng có thể để khắc phục hạn chế về ngoại ngữ. Hay nói cách khác, nếu sinh viên đã có nền tảng vững chắc về ngoại ngữ, thì vấn đề còn lại là duy trì để không làm mất đi kỹ năng hoặc khả năng vốn có. Còn nếu trong trường hợp nền tảng về khả năng tiếng Anh của sinh viên còn quá yếu kém, hay chưa vững, thì việc ‘dựa dẫm’ hay ‘phụ thuộc’ vào một người có trình độ chuyên môn cao là điều chắc chắn. Tuy nhiên, vấn đề đáng nói ở đây là sự phụ thuộc chủ động, chứ không phải là sự phụ thuộc thụ động từ phía sinh viên. Khi đề cập đến điều này, tác giả đang ngầm ý nói đến tính tự học ở các sinh viên, cho dù các em thuộc nhóm sinh viên vẫn phải đang dựa dẫm vào người khác để rèn luyện kỹ năng ngoại ngữ cho mình. Như vậy, tự học, hay học tập suốt đời là đòi hỏi quan trọng trong mỗi cá nhân, khi người thầy không phải luôn luôn bên

* Email:nguyenvuthanhtuyen.cs2@ftu.edu.vn

cạnh để động viên, kiểm tra, nhắc nhở, và đặc biệt khi thời gian để đến lớp học không phải là một vấn đề mang tính lựa chọn.

Trước thực tiễn trên, tác giả đã đi sâu tìm hiểu và phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan trong và ngoài nước với những tóm tắt như sau:

Trong nước

Trong các bài viết '*Learner autonomy in EFL learning: from theory to practice*' (NCS. Bùi Thị Nhung, 2017), '*Using portfolio in fostering learner autonomy in teaching grammar: An action research*' (Phùng Thị Đức, 2017), và '*Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành tại trường Đại học Ngoại thương*' (Bùi Thị Kim Phúc, 2017), các tác giả có đề cập đến tầm quan trọng của tự học trong quá trình phát triển năng lực ngoại ngữ và đưa ra những đề xuất cho việc phát triển khả năng tự học tiếng Anh ở sinh viên. Tuy nhiên, sự tập trung của các tác giả không phải là việc sử dụng các công cụ công nghệ thông tin để hỗ trợ việc tự học ngoại ngữ, nên đây sẽ là chủ đề để tác giả lựa chọn cho bài nghiên cứu của mình.

Đề tài '*Phát triển môi trường tiếng Anh ngoài lớp học nhằm đạt chuẩn đầu ra cho sinh viên Đại học Thái Nguyên*' do TS. Trần Thị Nhi làm chủ nhiệm (2016) đề cập rất chu đáo các hoạt động ngoài lớp học nhằm phát triển các kỹ năng tiếng Anh cho sinh viên, có sử dụng các công cụ truyền thông và công nghệ thông tin để hỗ trợ các hoạt động này. Nhưng điểm khác nhau cơ bản về mặt nội dung giữa đề tài này (1) và chủ đề mà tác giả đã thực hiện (2) là: Với (1), đội ngũ giảng dạy vạch ra một cách cụ thể các hoạt động sử dụng CCTT và CNTT để phát triển các kỹ năng tiếng Anh cho sinh viên; còn với (2): tác giả tìm hiểu các CCTT và CNTT mà sinh viên của tác giả đã và đang sử dụng để phát triển các kỹ năng tiếng Anh, từ đó nhận ra những ưu, nhược điểm từ việc khai thác các phương tiện này của các em để đưa ra những hướng dẫn mà các em chưa nhận ra được trong quá trình sử dụng phương tiện truyền thông và công nghệ để hỗ trợ việc tự học.

Cũng với lý do tương tự dẫn đến việc tác giả lựa chọn chủ đề nghiên cứu này, đó là đề tài '*Thực trạng kỹ năng tự học ngoài lớp học của sinh viên chính quy sư phạm trường ĐH Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh*' do Nguyễn Thị Thu Huyền chủ nhiệm (2014) chỉ đánh giá kỹ năng tự học của sinh viên đại học Sư phạm thuộc 4 khối ngành Địa, Anh, Hóa và Tâm lý giáo dục thông qua 5 nhóm kỹ năng tự học, gồm: lập kế hoạch tự học, đọc sách, ghi chép, ôn tập và tự kiểm tra.

Ngoài nước

Trong nghiên cứu của mình được thực hiện đối với các học viên theo học tại Trung tâm tiếng Anh của đại học Indiana, Gradman và Hanania (1991) đã nhận định yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến năng lực tiếng Anh của học viên là tính chủ động trong việc khai thác tài liệu nghe và đọc ngoài lớp học. Tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ chú trọng đến việc học viên tự học hai trong số những kỹ năng tiếng Anh nói chung, chứ không khai thác mức độ sử dụng công cụ hỗ trợ tự học.

Bài viết '*Learner autonomy in language learning: Student teacher's Beliefs*' của Balçikanli (2010) cũng đã nghiên cứu quan điểm của các giáo sinh tại một trường đại học ở Thổ Nhĩ Kỳ, Gazi, về vấn đề tự học và những yếu tố mà các giáo sinh này đánh giá là quan trọng trong phát huy tính tự học ở học sinh. Bài viết chú trọng đến những yếu tố liên quan đến phát

huy tinh thần tự học ngoại ngữ khái quát, không đề cập sâu đến việc sử dụng CCTT và CNTT để phát huy hiệu quả của việc tự học.

Tóm lại, trước thực tiễn đã được nêu trên cùng với những kết quả từ những nghiên cứu có liên quan, trong bài viết này, tác giả sẽ đi sâu phân tích và tìm hiểu về khả năng học tập độc lập và những đặc điểm nổi trội của thời đại công nghiệp 4.0 với sự đa dạng của các phương tiện và công cụ truyền thông khác nhau để hiểu rõ những tác động có thể có của nó đối với việc tự học tiếng Anh; sau đó, tác giả thực hiện cuộc khảo sát về:

1. tinh thần tự học của sinh viên trong việc học tiếng Anh (trong bài viết này, tác giả dùng cụm từ ‘tự học’ với ý nghĩa là ‘tự học có sử dụng các công cụ truyền thông và công nghệ thông tin’ (CCTT và CNTT)),

2. những công cụ hỗ trợ việc tự học tiếng Anh của người học, cũng như

3. đánh giá về tính hiệu quả của những công cụ đó đối với người học,

Và cuối cùng, tác giả đưa ra những góp ý đề xuất để sinh viên có thể tham khảo và áp dụng cho quá trình tự học của mình.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm cơ bản về tự học

Về định nghĩa tự học, tác giả có thể trích dẫn lời của Holec (1981, trích dẫn trong Benson & Voller, 1997): ‘*khả năng chịu trách nhiệm về việc học của mình*’.

Leni Dam (1990, trích dẫn trong Littlejohn, 1997) xác định tự học là sự sẵn lòng của người học và khả năng quản lý và giám sát việc học của chính mình. Cụ thể hơn, tác giả trên cho rằng một người học được đánh giá là một người tự học khi người đó có thể tự đặt ra mục tiêu và mục đích học tập cho chính mình, tự chọn tài liệu, phương pháp và bài tập, cũng như tiêu chí để đánh giá cho người đó.

Còn theo định nghĩa của David Little, khả năng tự học chủ yếu là mối quan hệ tâm lý của người học với quá trình và nội dung học tập - khả năng tách rời, phản ánh, phê bình, ra quyết định, và hành động độc lập (Little, 1991).

Nhìn chung, thuật ngữ tự học đã được sử dụng dưới ít nhất năm góc độ (Benson & Voller, 1997)

1. Cho các tình huống trong đó người học tự học hoàn toàn;
2. Cho một bộ các kỹ năng có thể được học và áp dụng trong cách học tập mà người học tự định hướng;
3. Cho khả năng bẩm sinh mà giáo dục bắt phải thay đổi;
4. Cho những bài tập thuộc về trách nhiệm của người học để phát triển việc học của mình;
5. Cho quyền của người học tự định hướng việc học của mình.

2.2. Những nét cơ bản về cách mạng công nghiệp 4.0

Cụm từ này bắt nguồn tại Cộng hòa Liên bang Đức vào đầu thế kỉ 21, là xu hướng tự động hóa và trao đổi dữ liệu trong công nghệ sản xuất. Nó bao gồm các hệ thống không gian mạng, Internet vạn vật và điện toán đám mây. Qua đó, người ta tạo ra những hệ thống thông minh với tổ hợp máy móc tự kết nối với nhau, tự tổ chức và quản lí. Đây còn được gọi là cuộc cách mạng số, vì chúng ta sẽ được chứng kiến công cuộc “số hóa” thế giới thực thành thế giới ảo. Đến một lúc nào đó, lằn ranh giữa hai thế giới này sẽ bị xóa mờ.

Giờ đây, kiến thức là vô biên, việc học không có điểm dừng. Yêu cầu ngày càng cao đó không cho phép người lao động luôn học tập tại trường hay có giáo viên kèm cặp. Lao động nghề, lao động trình độ thấp phải không ngừng trau dồi để nâng cao tay nghề, làm sao để năng suất tối ưu hơn những dây chuyền sản xuất tự động. Lao động trình độ cao, bác sĩ, kĩ sư, giáo viên... cũng phải không ngừng học hỏi, không ngừng cầu tiến, vì sự phát triển của máy móc đang theo rất sát đằng sau. (Kenh14.Vn, 2017).

2.3. Những ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp 4.0 đến việc học ngoại ngữ

Theo nhận định của Phó thủ tướng Vũ Đức Đam tại sự kiện Đối thoại chính sách cao cấp về phát triển nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số (thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0) diễn ra vào 15/05/2017, một trong những mối đe dọa mà người lao động đang đối mặt là nguy cơ thất nghiệp. Để đối mặt với mối đe dọa này, người lao động phải có khả năng làm chủ máy móc và có khả năng kết nối, hội nhập được với thế giới. Điều này lại đặt ra yêu cầu đối với người lao động và cả thách thức đối với ngành giáo dục là đào tạo ra đội ngũ lao động phải giỏi ngoại ngữ và thành thạo về công nghệ thông tin (Nguy, 2017).

Hơn nữa, trong những nhiệm vụ cần phải thực hiện theo quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/09/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án ‘*Day và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020*’, tầm quan trọng của ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển năng lực ngoại ngữ là một trong số những nhiệm vụ cần phải được thực hiện.

Như vậy, hơn bao giờ hết, trong thời đại công nghiệp 4.0 đã được đề cập ở trên, với sự bùng nổ mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông, việc ứng dụng những thành tựu này vào việc giảng dạy và học tập không thể không diễn ra. Chắc chắn rằng, những công cụ truyền thông và công nghệ thông tin sẽ giúp cho việc học tập và giảng dạy nói chung, ngoại ngữ - tiếng Anh nói riêng trở nên hiệu quả, thuận lợi, và tiết kiệm nhiều nguồn tài nguyên khác nhau cho người dạy cũng như người học (Celik, 2013).

Vì thế, những hỗ trợ tích cực và vô giá của tri thức công nghệ trong thời kỳ công nghiệp 4.0 là điều sinh viên cần nhận thức và áp dụng một cách hiệu quả để có thể thích nghi và tồn tại bền vững trong tình hình mới.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính để tìm hiểu, phân tích, tổng hợp, thống kê, mô tả trên nền tảng dữ liệu và thông tin thứ cấp từ những tài liệu, bài viết hay các bài nghiên cứu khoa học khác nhau về quá trình tự học và thúc đẩy tinh thần tự học của các tác giả, chuyên gia, hoặc các nhà giáo dục khác nhau.

Hơn nữa, để tăng tính thực tiễn và giá trị cho bài viết, tác giả đã áp dụng phương pháp điều tra khảo sát thông qua bảng hỏi được sao in và phát ra để sinh viên trả lời trực tiếp trên phiếu nhằm khai thác các mục tiêu đã được đề cập ở mục 1. Mặc dù cách làm này sẽ khá mất thời gian và tốn kém về chi phí, nhưng tác giả tin rằng nó sẽ thu được câu trả lời đáng tin cậy hơn so với phương pháp trả lời bảng hỏi sử dụng công nghệ để hỗ trợ. Đối tượng nghiên cứu của tác giả là sinh viên đại học Ngoại Thương ở 4 lớp mà tác giả đang giảng dạy, thuộc 2 chuyên ngành khác nhau, gồm năm 2 và năm 3.

Với 182 phiếu khảo sát đã được thu thập, trải qua quá trình lựa chọn nghiêm ngặt để loại bỏ những phiếu trả lời có độ tin cậy kém, tác giả thu nhận được 137 phiếu hợp lệ. Tuy nhiên, để thuận tiện cho việc đánh giá, tác giả chỉ nhập ngẫu nhiên câu trả lời của 100 phiếu, sử dụng phần mềm Excel và phân tích kết quả từ 100 phiếu này. Từ đó, tác giả rút ra những kết luận và bài học hợp lý, cùng với những đề xuất mang tính thực tiễn để giúp nâng cao hiệu quả tự học tiếng Anh cho sinh viên, đáp ứng mục tiêu học tập trước mắt và lâu dài cho sinh viên tại trường nói riêng, và những đòi hỏi về chất lượng con người nói chung của xã hội.

Mô tả bảng câu hỏi để khảo sát: gồm 3 phần.

Tên phần	Mục đích
Phần A. Thông tin cá nhân	Nhận được thông tin khái quát của người được khảo sát
Phần B. Thực tiễn sử dụng công cụ truyền thông và công nghệ thông tin của sinh viên trong việc học tiếng Anh	Tìm hiểu mục đích sử dụng công cụ truyền thông và công nghệ thông tin của sinh viên để phân tích thế mạnh của các công cụ và phương tiện này trong từng kỹ năng của quá trình học tiếng Anh của sinh viên
Phần C. Đánh giá về hiệu quả, ý nghĩa của việc sử dụng công cụ truyền thông và công nghệ thông tin để tự học tiếng Anh	Rút ra nhận định từ ý kiến và đánh giá của người được khảo sát về tác động và ý nghĩa của công cụ truyền thông và công nghệ thông tin đối với việc tự học các kỹ năng trong tiếng Anh; từ đó tác giả có cơ sở để đưa ra những đề xuất của mình.

Đặc điểm của cấu trúc các câu hỏi trong bảng khảo sát:

- Thể hiện tính thống nhất của dữ liệu nhằm đánh giá độ trung thực của câu trả lời.
- Thể hiện tính ràng buộc của dữ liệu nhằm đánh giá độ tin cậy của dữ liệu.
- Kích thích và định hướng cho người tham gia khảo sát trong thái độ và hành động nhằm phát triển tính tự học để phát triển các kỹ năng tiếng Anh ở các em.

Như vậy, mục đích của bảng hỏi nhằm trả lời cho các mục đích chính của vấn đề nghiên cứu của tác giả như đã đề cập ở phần 1.

4. Kết quả nghiên cứu

Trên cơ sở số liệu thống kê đã được thu thập từ bảng hỏi, những bảng biểu sau đã được rút ra. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra những ý kiến phân tích và đánh giá cùng với những đề xuất hợp lý dựa trên tính khả thi từ thực tiễn cho những lớp học mà tác giả đã khảo sát, hoặc mang

tính tham khảo cho các đồng nghiệp đang giảng dạy những lớp học có sinh viên với trình độ tiếng Anh tương tự (khá, giỏi chiếm tỉ lệ cao).

Bảng 1. Năng lực ngoại ngữ do tự sinh viên đánh giá

Năng lực	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu, kém
Số sinh viên (/100)	12	61	27	0

Bảng 2. Kết quả điểm trung bình môn tiếng Anh của các em ở trung học phổ thông

Điểm	9-10	7-8	5-6	Dưới 5
Số sinh viên (/100)	64	35	1	0

Bảng 3. Thời gian tự học các kỹ năng tiếng Anh có sử dụng CCTT và CNTT

Với (1): Thời gian tự học các kỹ năng tiếng Anh (phút/ ngày)

(1)	15	30	45	60	75	90	105	120	135	150	180	210	240	270	300	330
Số sinh viên (/100)	100	92	75	71		31		17		16	8	5	4	4	3	

Bảng 4. Nhận định của sinh viên về tầm quan trọng của CCTT và CNTT trong việc rèn luyện các kỹ năng tiếng Anh

Mức độ	a. Rất cần thiết	b. Cần thiết	c. Bình thường	d. Tương đối cần thiết	e. Không cần thiết
Số sinh viên (/100)	69	25	1	5	0
	= 94				

Bảng 5. CCTT và CNTT tạo động lực cho người tham gia học tiếng Anh

Đánh giá	a. Rất đúng	b. Đúng	c. Trung lập	d. Không đúng lắm	e. Hoàn toàn không đúng
Số sinh viên (/100)	22	50	21	7	0
	= 72				

Bảng 6. Khả năng tập trung khi sử dụng các CCTT và CNTT trong việc học các kỹ năng tiếng Anh (không bị tác động bởi các kênh thông tin khác như giải trí, quảng cáo hay trò chơi)

Đánh giá	a. Rất tập trung	b. Tập trung	c. Trung lập	d. Không tập trung lắm	e. Hoàn toàn không tập trung
Số sinh viên (/100)	5	30	35	30	0

Bảng 7. Tính phổ biến của các phần mềm, trang mạng hay kênh truyền thông để học các kỹ năng tiếng Anh

Phần mềm, trang mạng hay kênh truyền thông (dành cho các kỹ năng chính như luyện nghe, nói, đọc, viết, phát âm)	Số sinh viên (/100)	
	Youtube	98
	Facebook	65
	Google translate	56
	Ted.com	55
	BBC	42
	VOA	41
	Zing.mp3	36
	Elsa speak	15
	CNN	13
Skype	11	
Tự điển	Oxford	80
	Cambridge	40

	Flat	40
	LacViet	23
	Vdict	22

Bảng 8. Biết về CCTT và CNTT qua các nguồn

Nguồn	a. Giáo viên	b. Bạn bè	c. Cha mẹ	d. Bản thân tự phát hiện	e. Khác
Số sinh viên (/100)	42	76	2	80	5

Bảng 9. Người tham gia có thể tự học các kỹ năng tiếng Anh sau mà không cần có sự hướng dẫn của giáo viên (/100) (câu hỏi mang tính lựa chọn nếu sinh viên không tự học kỹ năng này)

Đánh giá/ kỹ năng	a. Rất đúng	b. Đúng	c. Trung lập	d. Không đúng lắm	e. Hoàn toàn không đúng
(1) Tra nghĩa của từ/ cách dùng từ	33	49	9	4	0
	= 82				
(2) Luyện phát âm	25	32	29	9	1
	= 57				
(3) Học từ vựng	20	48	21	8	1
	= 68				
(4) Làm bài tập ngữ pháp	3	17	30	35	9
	= 20				
(5) Luyện kỹ năng nghe	25	45	21	6	1
	= 70				
(6) Luyện kỹ năng nói	9	12	34	32	7
	= 21				
(7) Luyện kỹ năng đọc	9	26	29	28	3
	= 35				
(8) Luyện kỹ năng viết	0	10	12	50	22
	= 10				
(9) Mở rộng kiến thức	21	29	28	15	5
	= 50				

5. Thảo luận và đề xuất

Sau khi xem xét mối quan hệ giữa các dữ liệu, chúng tôi rút ra những nhận định và đề xuất như sau:

1. Lý do tác giả đề cập đến trình độ tiếng Anh của người tham gia khảo sát là để tìm hiểu về mối quan hệ giữa năng lực ngoại ngữ và khả năng tự học của sinh viên, cũng như nhận định về tính thuyết phục trong sự đánh giá của sinh viên và kết quả rút ra được gồm: 12/100 Giỏi, 61/100 Khá, và 27/100 Trung bình, 0/100 Yếu/Kém (theo Bảng 1). Điều này có thể là một sự khiêm tốn trong cách đánh giá của người tham gia vì kết quả điểm trung bình môn tiếng Anh của sinh viên ở trung học phổ thông tốt hơn đáng kể so với nhận định của chính sinh viên (Bảng 2): 64/100 đạt 9-10 điểm, 35/100 đạt 7-8 điểm, 1/100 đạt 5-6 điểm và 0 sinh viên đạt điểm dưới 5.

2. Điều này cũng được khẳng định một cách rõ ràng khi sinh viên tham gia khảo sát thể hiện thời gian tự học các kỹ năng ngoại ngữ (có sử dụng CCTT và CNTT) trong Bảng 3 là khá tốt, với hơn 70 sinh viên tham gia (hơn 70%) tự học có sử dụng CCTT và CNTT trên 60 phút/

ngày. Như vậy, có thể khẳng định là những sinh viên khá, giỏi này đã thể hiện tinh thần tự học khá tốt, chưa kể đến việc sử dụng các phương tiện, công cụ phi công nghệ khác.

3. Hơn nữa, kết quả khảo sát của Bảng 4 và Bảng 5 đã khẳng định tính hợp lý trong câu trả lời của Bảng 2 và giúp xác nhận một cách định lượng giá trị của CCTT và CNTT trong phát triển các kỹ năng tiếng Anh cho sinh viên, khi mà 94% (Bảng 4) sinh viên khẳng định tầm quan trọng của các công cụ hỗ trợ này, và khả năng tạo động lực để tự học tiếng Anh rất cao của các công cụ này (72%) (Bảng 5).

4. Tuy nhiên, khi được hỏi về khả năng tập trung khi sử dụng các CCTT và CNTT trong việc học các kỹ năng tiếng Anh, người tham gia đã thừa nhận sự mất tập trung khá cao (30%) vì bị các trang mạng không liên quan khác lôi cuốn trong lúc học (Bảng 6). Với kết quả khá tiêu cực này, giáo viên cần tác động đến các em sinh viên về hiệu quả của khả năng tập trung và sự quyết tâm trong lúc làm việc, giúp các em sinh viên có biện pháp khắc phục được sự sao nhãng và mất phương hướng khi vạch ra kế hoạch tự học như: (1) Thiết lập mục tiêu rõ ràng trong ngắn hạn và dài hạn; (2) Xác định thời gian phù hợp cần phải đầu tư cho một kế hoạch cụ thể nào đó.

5. Ngoài ra, khi tìm hiểu về những CCTT và CNTT hỗ trợ cho việc rèn luyện các kỹ năng tiếng Anh, tác giả đã nhận ra những phần mềm, trang mạng hay kênh truyền thông phổ biến (Bảng 7) mà các em thường áp dụng. Đáng lưu ý là Youtube được sử dụng nhiều nhất (gần 100%) và được sinh viên đánh giá là rất bổ ích vì các em có thể học được các bài giảng thuộc các chủ đề hay môn học khác nhau, cách trình bày thông tin, cách phát âm, ngữ điệu từ người nói. Còn về tự điển được sử dụng để tra nghĩa từ vựng hay phát âm và cách dùng từ, Oxford được ưa chuộng hơn cả khi đến 80% sinh viên lựa chọn loại tự điển này.

Điều này cũng là một thách thức cho các nhà xuất bản hay biên soạn phần mềm tự điển vì những ưu và nhược điểm mà mỗi tự điển có thể cung cấp cho người học. Với kết quả rất cao trong việc sử dụng tự điển Anh-Anh như trên, chúng ta cũng có thể dễ dàng nhận thấy tính hợp lý giữa trình độ tiếng Anh của những người tham gia khảo sát và những sản phẩm công nghệ ứng dụng trong thực tiễn của các em.

6. Khảo sát này còn cho thấy một kết quả khá bất ngờ về đánh giá của sinh viên liên quan đến nguyên nhân của sự nhận thức về các phần mềm, trang mạng hay kênh truyền thông để các em học tập (Bảng 8): Đúng thứ 3, và chỉ bằng $\frac{1}{2}$ kết quả mà do chính sinh viên tự phát hiện các kênh thông tin truyền thông là do giáo viên hướng dẫn. Điều này có thể đến từ hai nguyên nhân chính khác nhau như: (1) sinh viên vốn khá, giỏi về tiếng Anh nên giảng viên cho rằng không cần phải giới thiệu thêm về ý nghĩa hay cách sử dụng các CCTT và CNTT vì các em vốn đã biết cách để đạt được những kết quả tốt trong việc học tiếng Anh, hoặc (2) chính giáo viên cũng chưa thật sự có hiểu biết sâu rộng về các kênh công nghệ khác nhau để hỗ trợ việc học ngoại ngữ. Nếu đó là nguyên nhân thứ nhất (1), tác giả đề nghị giảng viên giới thiệu những địa chỉ hay đường link khác, ngoài những trang mạng, phần mềm, hay kênh truyền thông mà những sinh viên khá, giỏi này đã và đang ứng dụng nhằm phục vụ những mục đích cụ thể của việc học ngoại ngữ, giúp duy trì và không làm giảm đi năng lực tiếng Anh của người học ở mức tốt hoặc rất tốt cho dù các em sinh viên đã tốt nghiệp và không trực tiếp đến trường để học tập.

Tuy nhiên, mặc dù khẳng định Facebook hay Youtube cung cấp các kênh và trang thông tin rất đa dạng, phong phú, phục vụ tất cả các kỹ năng của việc học tiếng Anh, nhưng người tham gia khảo sát vẫn thể hiện sự lo lắng và thiếu tự tin khi thể hiện các kỹ năng nói hay viết trong thực tế với kết quả: nói (32/100), viết (28/100) trong khi các em đánh giá cao về khả năng tự học với những kỹ năng khác như: tra nghĩa và cách dùng từ (92/100), nghe (88/100), đọc (60/100). Năm sinh viên (5/100) còn cung cấp thêm một cách chi tiết bằng cách viết nhận định vào phiếu trả lời về những khó khăn trong hai kỹ năng nói và viết: các em vẫn cứ mắc lỗi ngữ pháp, hay cách trình bày ý tưởng... khi áp dụng kỹ năng này mặc dù đã nghe khá nhiều lời khuyên (tips) hay bài giảng về cách viết bài luận; các em sinh viên vẫn chưa thấy hài lòng về khả năng diễn tả của mình mặc dù đã tham gia vào các nhóm hay cộng đồng ở trang mạng Facebook hay Youtube.

Giải pháp cho vấn đề này là sự kiên trì và đều đặn ở các em trong quá trình rèn luyện hai kỹ năng nói và viết: có thể trước mắt, các em vì quá nóng vội và kỳ vọng đạt kết quả cao có thể nhìn thấy tức thì, nên đánh giá không được cao cho ý nghĩa của CCTT và CNTT. Tuy nhiên, sự thay đổi theo hướng tích cực cho hai kỹ năng này không phải diễn ra trong một sớm một chiều, mà là kết quả của quá trình rèn luyện đều đặn và nhẫn nại theo năm tháng. Trước mắt, điều quan trọng mà các em cần phải hiểu ở đây là yêu cầu tối thiểu trong khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ hiện nay là làm cho người khác hiểu được mình (understandable). Về lâu dài, những yêu cầu cao hơn sẽ dần được lĩnh hội nếu quá trình luyện tập được diễn ra đều đặn và có ý thức của người thực hiện: diễn tả chính xác ý tưởng bằng những từ dùng đặc sắc, chuyên môn, cấu trúc đa dạng, phong phú, khả năng truyền đạt biểu cảm...

Về cơ bản, đã có những trang web hay phần mềm có thể hỗ trợ người học phần nào trong kỹ năng viết mà các em có thể tiết kiệm chi phí (miễn phí) khi sử dụng, nên tác giả kính đề nghị giảng viên có những hướng dẫn cụ thể về khả năng đáp ứng, ý nghĩa của các trang mạng, phần mềm ấy để giúp sinh viên nâng cao kỹ năng viết vì chúng có thể giúp sinh viên nhận ra lỗi của mình như: <https://writeandimprove.com/>; <http://www.paperrater.com/>; <http://wrinity.com/newsfeed>; <https://essayforum.com/>; <http://www.testbig.com/>; <https://www.englishforums.com/>

Đến thời điểm hiện tại vẫn **chưa** có một chương trình hay phần mềm miễn phí nào có thể giúp người học cải thiện kỹ năng viết một cách tốt nhất, đặc biệt là về mặt ý tưởng hay nghệ thuật viết. Tất cả các trang web tự tin khẳng định có thể sửa bài viết (miễn phí) thì cũng chỉ dừng lại ở khả năng sửa lỗi chính tả hay ngữ pháp, hoặc tiến bộ hơn, đưa ra những từ gợi ý để tránh lỗi lặp từ ở một bài viết. Chính vì thế, nên nghề giáo, cụ thể là giáo viên dạy tiếng Anh, vẫn phải được duy trì, cho dù đối với các em sinh viên khá, giỏi, khả năng tự học ở các em là rất cao. Và điều này cũng có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phân bố thời gian giảng dạy các kỹ năng ở một lớp học tiếng Anh mà tác giả sẽ đề cập ở mục tiếp theo trong mục 7 của phần Thảo luận và đề xuất này.

Xét đến lý do thứ hai (2) - chính giáo viên cũng chưa thật sự có hiểu biết sâu rộng về các kênh công nghệ khác nhau để hỗ trợ việc học ngoại ngữ - đã được đề cập trên, thì đây quả là một sự thiếu sót nghiêm trọng nếu chính giáo viên chưa thực sự am hiểu về các công cụ và phương tiện công nghệ trong thời đại công nghiệp 4.0. Như vậy, dù muốn hay không muốn, giáo viên phải thích ứng để bắt kịp với những biến đổi nhiều mặt đang diễn ra trong xã hội. Khi chính trong ngành giáo dục, muôn vàn những thay đổi đã và đang diễn ra trong thời đại công

ng nghiệp 4.0, thì việc giáo viên phải thích ứng trước những thay đổi đó là điều tất yếu (Trần Thị Bích Liễu, 2017). Điều cần phải được nhấn mạnh là việc tự học và khả năng tự học suốt đời cần phải được hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên trong quá trình ngắn ngủi khi các em đang học tập tại trường. Hơn ai hết, giảng viên phải là lực lượng tiên phong trong việc thể hiện tính tự học của mình bằng cách tìm hiểu và cập nhật những phương tiện công cụ công nghệ rất hữu ích của xã hội để hướng dẫn và dạy bảo các em sinh viên để các em có thể trở thành những con người tự lập và tự phát triển - một trong những mục tiêu quan trọng của quá trình giáo dục.

Để khắc phục hạn chế này ở lực lượng giảng dạy, chúng ta cần xem xét những giải pháp mang tính khả thi cao như sau: (1) Tổ chức hội thảo hay những buổi sinh hoạt chuyên môn, chia sẻ những ứng dụng công nghệ trong giảng dạy hoặc giới thiệu những trang web giúp sinh viên tự học tiếng Anh do những giảng viên có trình độ và sự am hiểu cao về công nghệ giới thiệu. (2) Thiết thực hơn, Ban chủ nhiệm Khoa hay Bộ môn tiếng Anh (Ngoại ngữ) tổ chức việc dự giờ cho các giảng viên tại các lớp nơi mà giảng viên có chuyên môn về công nghệ sẽ hướng dẫn cho sinh viên về cách tự học ngoại ngữ nhờ vào CCTT và CNTT. (3) Tổ chức những buổi Tập huấn liên quan đến việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy tiếng Anh và hướng dẫn những CCTT và CNTT cho sinh viên nếu Công Đoàn nhà trường có điều kiện về mặt tài chính. (4) Yêu cầu Câu lạc bộ tiếng Anh của trường tổ chức những buổi chia sẻ về việc ứng dụng CCTT và CNTT trong việc tự học tiếng Anh.

7. Tra nghĩa của từ/ cách dùng từ, luyện phát âm, học từ vựng và luyện kỹ năng nghe nhận được kết quả khá cao về khả năng tự học mà không cần có sự hướng dẫn của giáo viên, với tỉ lệ 82%, 57%, 68% và 70% tương ứng. Trong khi đó, với kỹ năng đọc, tác giả cho rằng sinh viên có thể tự học với các công cụ truyền thông và công nghệ thông tin hỗ trợ sẽ rất cao, nhưng kết quả khảo sát lại cho thấy chỉ 35% đồng ý. Khi xem xét nguyên do các em nêu ra, tác giả nhận ra rằng sinh viên cho rằng tài liệu giấy sẽ tốt hơn, mặc dù cũng phản ánh rằng các em có thể tự học kỹ năng này mà không cần sự hỗ trợ trực tiếp từ giáo viên.

Đặc biệt, những kỹ năng không thể thiếu sự có mặt của giáo viên bao gồm luyện ngữ pháp chỉ với 20% lựa chọn câu trả lời rất đúng và đúng khi trả lời câu hỏi liên quan đến vấn đề (Bảng 9). Tương tự, kỹ năng nói (chỉ 21%), kỹ năng viết (chỉ 10%) cho thấy những sinh viên khá, giỏi này vẫn đang đề cao sự tương tác trực tiếp giữa giáo viên và sinh viên vì chưa thấy được phần mềm hay trang mạng nào có thể giúp các em phát triển những kỹ năng như nói và viết một cách hiệu quả mà không tốn quá nhiều chi phí. Như vậy, từ kết quả này, giáo viên có thể phân phối thời gian giảng dạy các kỹ năng một cách hợp lý để giúp sinh viên đạt được kết quả tốt nhất từ mỗi buổi học.

Điều đáng lưu ý là khi trả lời câu hỏi: Người tham gia có thể tự học các kỹ năng tiếng Anh sau mà không cần có sự hướng dẫn của giáo viên, đến 50% sinh viên khẳng định là đúng và rất đúng cho mục (9): Mở rộng kiến thức. Kết quả này vừa là tin vui cho những nhà giáo dục và cho xã hội khi nếu sự thật là các em sinh viên có thể chủ động học hỏi được kiến thức mà không cần đến sự hỗ trợ của người thầy; nhưng kết quả này cũng là một tiếng chuông cảnh báo cho lực lượng giảng dạy vì các giáo viên phải thực sự đầu tư cả thời gian và công sức để có thể truyền đạt những kiến thức rất hữu ích mà những đối tượng giỏi nhất cũng phải thừa nhận rằng các em không thể tự mình tìm hiểu bằng cách sử dụng công cụ truyền thông và công nghệ thông tin.

8. Cuối cùng, trong các câu hỏi mở ở bảng khảo sát để tìm hiểu về suy nghĩ, kỳ vọng của người tham gia khảo sát về vấn đề áp dụng các CCTT và CNTT nhằm nâng cao hiệu quả tự học tiếng Anh, tác giả đã nhận ra được những mong đợi thiết thực của sinh viên về thiết bị, phần mềm, trang mạng cần được cải thiện hay cài đặt tại thư viện trường hay nhà trường để các em có thể khai thác tốt hơn những phương tiện công nghệ sẵn có. Những mong đợi thiết thực và ý nghĩa này sẽ là cơ sở để tác giả có thể đề xuất lên lãnh đạo Nhà trường nhằm mục tiêu đáp ứng và phục vụ nhu cầu rất hợp lý và xác đáng của sinh viên.

Tóm lại, kết quả thu thập được từ bảng khảo sát nhằm tìm hiểu tinh thần tự học có sử dụng các CCTT và CNTT của sinh viên, tính hiệu quả của những công cụ truyền thông và công nghệ thông tin đối với sinh viên đã giúp cho tác giả nói riêng và giảng viên nói chung có cái nhìn bao quát và chính xác hơn về những công cụ công nghệ hỗ trợ việc tự học các kỹ năng tiếng Anh. Từ đó, tác giả có những định hướng hoặc kế hoạch cụ thể để đáp ứng những nguyện vọng hoặc nhu cầu thiết thực từ phía người học, nhằm khẳng định được uy tín của chính bản thân, nâng cao chất lượng đào tạo nói chung, và góp phần tạo ra lực lượng lao động tự lập, sáng tạo và chủ động, đáp ứng được những nhu cầu thực tiễn về lực lượng lao động của xã hội trong tình hình công nghiệp 4.0.

6. Kết luận

Trong thời đại công nghiệp 4.0, từ kết quả của cuộc khảo sát, chúng ta có thể nhận thấy rằng mỗi bạn sinh viên gần như sở hữu hai sản phẩm công nghệ hữu ích phục vụ cho việc tra cứu tài liệu và tự học: máy tính (computer: 98%) và điện thoại thông minh (smart phone: 96%) và sử dụng các thiết bị này để phục đắc lực cho việc tự học các kỹ năng trong tiếng Anh. Với cuộc khảo sát này, những khó khăn trong kỹ năng ngoại ngữ của sinh viên Việt Nam được đề cập trong phần mở đầu không phải là một vấn đề nghiêm trọng, vì những sinh viên tham gia khảo sát là những sinh viên có năng lực tiếng Anh rất tốt - với điểm số rất cao khi bước vào đại học. Như vậy, vấn đề còn lại mà ngành giáo dục nói chung và giáo viên nói riêng cần phải tiếp tục thực hiện đối với những đối tượng đã được khảo sát là hướng dẫn các em sinh viên về những giá trị khác mà các công cụ, thiết bị truyền thông mang lại mà các em vẫn chưa biết cách khai thác một cách hiệu quả nhất để trở thành chủ nhân thực thụ của công nghệ, chứ không phải là nô lệ hoặc bị chính những sản phẩm trí tuệ của chính con người lèo lái hành động và hướng đi của chính các em. Vì kết quả của bài nghiên cứu này có thể ứng dụng với những đối tượng sinh viên có trình độ tiếng Anh khá hoặc giỏi trở lên, nên đối với đối tượng người học mà có trình độ tiếng Anh dưới mức khá, đề tài nghiên cứu này cần phải thực hiện lại để đi đến những phân tích, đánh giá, và đề xuất phù hợp hơn. Chính vì vậy, dự định của tác giả là sẽ mở rộng đối tượng nghiên cứu với năng lực ngoại ngữ dưới mức khá trong thời gian sắp tới.

Tài liệu tham khảo

Balçikanlı, C. (2010). Learner autonomy in language learning: Student teacher's beliefs. *Australian Journal of Teacher Education*, 35(1), 90-103.

Benson, P. & Voller, P. (1997). *Autonomy and independence in language learning*. London: Longman.

Bùi Thị Kim Phúc (2017). Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành tại trường Đại học Ngoại thương. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp trường (2017): TPP, AEC và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong hội nhập quốc tế* (tr. 186-197). Thành phố Hồ Chí Minh.

Bùi Thị Nhung (2017). *Learner autonomy in EFL learning: from theory to practice*. Hội thảo khoa

học "Research as empowerment" của Khoa tiếng Anh Chuyên ngành (15/6/2017). Trường Đại học Ngoại Thương, Hà Nội.

Celix, S. (2013). Internet-assisted technologies for English language teaching in Turkish Universities. *Computer Assisted Language Learning*, 26(5), 468-483.

Chương trình Hội Nhập của đài truyền hình VN, phát trên kênh VTV1. Truy cập ngày 13/8/2017.

Gradman, H.L. & Hanania, E. (1991). Language learning background factors and ESL proficiency. *The Modern Language Journal*, 75(1), 39-52.

Kenh14.Vn (2017). *Là sinh viên, hãy hiểu thế nào là cách mạng công nghiệp 4.0 để không bị tụt hậu*. Truy cập 15/8/2017 từ: <http://kenh14.vn/la-sinh-vien-hay-hieu-the-nao-la-cach-mang-cong-nghiep-40-de-khong-bi-tut-hau-20170522180046961.chm>

Little, D. (1991). *Learner autonomy. 1: definitions, issues and problems*. Dublin: Authentik.

Littlejohn, A. (1997). Self-access work and curriculum ideologies. In P. Benson & P. Voller (Eds.), *Autonomy and Independence in Language Learning* (pp. 181-91). London: Longman.

Nguy An (2017). *Phó thủ tướng: Nắm lấy cơ hội từ Cách mạng công nghiệp 4.0*. Truy cập ngày 13/8/2017 từ: <http://news.zing.vn/pho-thu-tuong-nam-lay-co-hoi-tu-cach-mang-cong-nghiep-40-post746308.html>.

Nguyễn Thị Thu Huyền (2014). *Thực trạng kỹ năng tự học ngoài lớp học của sinh viên chính quy sư phạm trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường.

Phùng Thị Đức (2017). Using portfolio in fostering learner autonomy in teaching grammar: An action research. *Hội thảo khoa học "Research as empowerment" của Khoa tiếng Anh Chuyên ngành (15/6/2017)*. Trường Đại học Ngoại Thương, Hà Nội.

Quyết định số 1400/QĐ-TTG về việc phê duyệt Đề án 'Đạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020'.

Trần Thị Bích Liễu (2017). *Phát triển giáo dục trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam*. Tài liệu tập huấn.

Trần Thị Nhi (2016). *Phát triển môi trường tiếng Anh ngoài lớp học nhằm đạt chuẩn đầu ra cho sinh viên Đại học Thái Nguyên*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường.

ENHANCING EFFICIENCY OF ENGLISH LEARNING THROUGH THE USE OF COMMUNICATIONS AND INFORMATION TECHNOLOGY IN THE AGE OF INDUSTRY 4.0

Abstract: In the process of learning English, students have not fully exploited the means, equipment of communications and information technology to learn this language by themselves, so it is difficult to meet practical requirements in many ways. Therefore, it is imperative to assist students in approaching and using such tools to improve the quality of self-learning in English. This article uses qualitative research methods, combined with a survey to explore and synthesize collected data. Thereby, the author outlines the results and makes assessments and suggestions to improve the effectiveness of self-learning in English for learners through the use of supportive tools of technology and communications in the new age – the age of industry 4.0.

Keywords: Communications, information technology, self-study, English